TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quang Trí .

- Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lâm Thị Ngọc N, sinh năm: 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 4B Nguyễn Thái Học, khóm B, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* ông Trần Hữu L, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 390/33 Trần Hưng Đạo, khóm T, phường Q, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc N trình bày: bà và ông L chung sống với nhau vào năm 2001, hôn nhân do tự tìm hiểu và được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, trong thời gian chung sống do tính tình không phù hợp, mâu thuẫn về tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn lớn hơn, ông L thường đi ra ngoài nhậu nhẹt với bạn bè bà không khuyên ngăn được nên vợ chồng phát sinh cãi vả, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên khoảng tháng 3/2021 thì

vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông L, mặc dù ông L có tìm cách hàn gắn nhưng bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Hữu L trình bày: ông thống nhất nội dung trình bày của bà N về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, ông và bà N tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung với cha mẹ vợ, trong quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra cự cãi và ông cũng có vài lần bỏ về nhà cha ruột của ông ở phường Mỹ Quý, sau đó vợ chồng hàn gắn thì ông quay về nhà vợ tiếp tục chung sống với bà N. Tuy nhiên, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, khoảng tháng 3/2021 thì do cha ông bệnh nên ông về nhà nội chăm sóc nên vợ chồng có khoảng thời gian không chung sống với nhau chứ không phải sống ly thân như nội dung trình bày của bà N vì ông và bà N vẫn có liên lạc qua điện thoại với nhau.

Sau thời gian cách ly do tình hình dịch bệnh Covid-19 thì ông mới biết tin bà N làm đơn xin ly hôn với ông. Đối với yêu cầu ly hôn của bà N thì ông không đồng ý do vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, ông cũng đã xin lỗi và cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng nếu bà N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: bà N và ông L xác định có 01 (Một) con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 27/06/2002 (đã thành niên) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà N và ông L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lâm Thị Ngọc N yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu L. Ông L có nơi cư trú tại phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: bà Lâm Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Hữu L. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Hữu L xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N trình bày trong thời gian chung sống thì vợ chồng nhiều lần phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, tính tình không phù hợp, ông L thường xuyên ra ngoài nhậu nhẹt với bạn bè bà không khuyên ngăn được nên thường xuyên xảy ra cự cãi, năm 2020 thì mâu thuẫn nghiêm trọng hơn, hôn nhân không hạnh phúc, bà N xác định không còn tình cảm với ông L, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2021, thời gian từ tháng 3/2021 đến nay ông L và bà cũng không hàn gắn được tình cảm bà nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Ông L không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà N, ông L cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, thời gian không chung sống với nhau từ tháng 3/2021 là do ông về chăm sóc cha ông ở xa chứ không phải vợ chồng sống ly thân như bà N trình bày, mặt khác ông đã xin lỗi và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng, trường hợp bà N cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ công việc và chăm lo hạnh phúc của gia đình. Tuy nhiên, giữa bà N và ông L đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng, bà N xác định không muốn tiếp tục chung sống cùng với ông L do hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2021 đến nay, bà N và ông L không cố gắng gàn gắn tình cảm vợ chồng đến khi bà N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L mới tìm cách hàn gắn nhưng giữa bà N và ông L vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng, không giải quyết được mâu thuẫn, mặt khác, bà N xác định không còn tình cảm với ông L nên vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông L là trầm trọng, bà N và ông L không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng từ tháng 3/2021 cho đến nay, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân thì cũng không mang lại hạnh phúc cho cả bà N và ông L, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với quy định tại Điều 85, 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Về con chung: bà N và ông L xác định có 01 (Một) con chung tên Trần Minh N, sinh ngày 27/06/2002 (đã thành niên) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: bà N và ông L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà N và ông L trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 85, 89 và Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc N.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Lâm Thị Ngọc N được ly hôn với ông Trần Hữu L. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15.KH.2001, quyển số 01, ngày 15/02/2001 do UBND phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Lâm Thị Ngọc N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Lâm Thị Ngọc N và ông Trần Hữu L vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0000764 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà N đã nộp xong.

Bà Lâm Thị Ngọc N, ông Trần Hữu L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Diệu Tiên